

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- H1 phúc**

Bản án số: 07/2018/DSST
Ngày 29-8-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Đường

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hải - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2019/TLST-DS, ngày 24/5/2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-DS ngày 15/7/2019, giữa các đương sự:

1-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N - sinh năm 1957; nơi cư trú: Khu 03 T, xã C, huyện Cê, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2-Bị đơn: Chị Đỗ Thị C - sinh năm 1976; nơi cư trú: Khu 08 Đ, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

3-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

3.1- Ông Nguyễn Khắc T- sinh năm: 1952 (Chồng bà Nguyễn Thị N); nơi cư trú: Khu 03 T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2- Anh Trần Đức T- sinh năm 1974 (Chồng chị Đỗ Thị C); nơi cư trú: Khu 08 Đ, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà chị Cguyễn Thị N trình bày: Ngày 25/6/2018 chị Đỗ Thị C có vay của vợ chồng bà số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và hẹn trong 10 ngày sẽ trả cho bà số tiền trên. Khi vay tiền vì chị C nói vay để đáo hạn ngân hàng nên bà giúp chứ không tính lãi. Sau khi nhận tiền, chị C đã viết Giấy vay tiền và ký xác nhận. Nhưng quá hạn trả nợ mà chị C không trả số tiền trên cho bà . Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị C phải trả cho vợ chồng bà 300.000.000đ tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/6/2018 cho đến 08/5/2019, theo mức lãi suất là 10,5%/ 1 năm x 317 ngày = 27.357.534 tiền lãi. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 327.357.534 đồng.

Tại bản tự khai ngày 25/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Đỗ Thị C trình bày: Ngày 25/6/2018, chị C có vay của bà Nguyễn Thị N 300.000.000đồng. Mặc dù Giấy vay tiền không ghi lãi xuất nhưng thực tế là có lãi thỏa thuận ngoài cụ thể là: 3.000đồng/ 1 ngày/ 1.000.000đồng và cứ 10 ngày trả nợ lãi 1 lần. Tính đến nay, chị đã trả cho bà N khoảng 72.000.000đồng tiền lãi nhưng không có chứng cứ chứng minh. Mục đích chị vay tiền của bà N là để phát triển kinh tế gia đình, cụ thể là chăn nuôi gà, vịt, lợn nhưng do kinh doanh thua lỗ nên chưa có khả năng trả nợ cho bà N. Nay bà N yêu cầu trả số tiền gốc và lãi như trên thì chị nhất trí nhưng đề nghị được trả dần là 3 tháng 1 lần, mỗi lần 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cho đến khi trả nợ xong cả gốc và lãi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Khắc T (Chồng bà N) trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà Nguyễn Thị N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Trần Đức T trình bày: Vợ chồng anh có vay của bà Nguyễn Thị N 300.000.000đồng để phát triển kinh tế gia đình, cụ thể là chăn nuôi lợn, gà, vịt nhưng do kinh doanh thua lỗ nên chưa có khả năng trả nợ cho bà N. Nay bà N yêu cầu trả số tiền gốc và lãi như trên thì anh nhất trí nhưng đề nghị được trả dần là 3 tháng 1 lần, mỗi lần 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cho đến khi trả nợ xong cả gốc và lãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N yêu cầu vợ chồng chị Đỗ Thị C, anh Trần Đức T phải trả nợ gốc là 300.000.000đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 10%/1 năm, tính từ ngày 25/6/2018 đến ngày 08/5/2019 . Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Trần Đức T không đồng ý cùng chị C trả nợ

cho vợ chồng bà N, ông T với lý do khi chị C vay tiền thì anh T không biết và không ký vào Giấy vay tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Nơi cư trú của bị đơn và nơi thực hiện hợp đồng đều là tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a, g khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 05/7/2018, nguyên đơn biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Ngày 08/5/2019, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại điều 429 của Bộ luật dân sự.

[3]. Về yêu cầu, ý kiến của các đương sự:

[3.1]. Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đã có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 25/6/2018, bà Nguyễn Thị N và chị Đỗ Thị C thỏa thuận xác lập hợp đồng vay tài sản với nội dung là chị C vay của bà N 300.000.000đồng với thời hạn vay là 10 ngày và bà N đã giao đủ tiền cho chị C vay. Hình thức và nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày xác lập. Quá trình thực hiện hợp đồng, do chị C không trả nợ đúng thời hạn như đã thỏa thuận nên chị C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng.

[3.2]. Về lãi suất: Hợp đồng vay tài sản giữa bà N và chị C xác lập ngày 25/6/2018 không thể hiện có lãi. Do vậy, tại phiên tòa bà N yêu cầu tính lãi với mức 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, chỉ chấp nhận tính lãi cho bà N kể từ khi chị C vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng là ngày 05/7/2018. Theo đó, tiền lãi tính từ ngày 05/7/2018 đến ngày 08/5/2019 (308 ngày) với mức lãi suất 10%/năm, là 25.666.666,7 đồng.

Chị C trình bày là bà N cho vay với mức lãi suất 3.000đồng/1.000.000đồng/1 ngày, nhưng chị C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không đề cập giải quyết.

[3.3]. Về nghĩa vụ trả nợ: Hợp đồng vay tài sản giữa bà N và chị C xác lập ngày 25/6/2018 không có chữ ký của chồng chị C là anh Trần Đức T và tại phiên tòa, anh T cũng từ chối nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, vợ chồng chị C, anh T đều thừa nhận là khoản tiền vay của gia đình bà N được dùng để phát triển khối tài sản chung của gia đình anh chị, mà cụ thể là chăn nuôi lợn, gà, vịt. Theo quy định tại khoản 2 điều 27; khoản 4 điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình, thì vợ chồng chị C, anh T chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho vợ chồng bà N, ông T.

[3.4]. Về phương thức trả nợ: Bà N yêu cầu vợ chồng chị C, anh T phải trả đủ tiền vay một lần là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 466 của Bộ luật dân sự. Chị C, anh T đề nghị được trả dần theo phương thức như anh chị đã trình bày là không có căn cứ chấp nhận.

[3.5]. Từ các phân tích trên, cần buộc vợ chồng chị Đỗ Thị N, anh Trần Đức T có nghĩa vụ cùng nhau trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Khắc T số nợ gốc là 300.000.000đồng và nợ lãi là 25.666.666,7đ (Làm tròn là 25.666.000đồng), tổng cộng là 325.666.000đồng. Thời hạn trả là kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí: Bị đơn là chị Đỗ Thị N xin chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và đề nghị này không trái pháp luật, đạo đức xã hội, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 463; Khoản 1, 4 Điều 466; Khoản 2 Điều 468 và Khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 27; Khoản 4 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chị Đỗ Thị N, anh Trần Đức T có nghĩa vụ cùng nhau trả cho bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Khắc T số tiền nợ gốc là 300.000.000đồng và tiền lãi là 25.583.000đồng. Tổng cộng là 325.666.000đ (Ba trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Thời hạn trả tiền kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị C phải chịu 16.283.300đ, làm tròn là 16.283.000đ (Mười sáu triệu hai trăm tám mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.183.000đ (Tám triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003257 ngày 24/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo đến Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn Thắng